

Bản án số: 305/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/7/2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Tấn Phước;
2. Ông Phan Công Văn.

*Thư ký ghi biên bản:* Ông Ngô Quang Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 413/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thùy Q, sinh năm: 1991, nơi ĐKKHKT: tổ 02, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: tổ 10, ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1986, cư trú: tổ 02, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang (Nhà đối diện UBND xã N)

(Tại phiên tòa hôm nay bà Q vắng có đơn, ông Ú có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Trương Thị Thùy Q trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng lên B làm công nhân kiếm sống. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên quyết định ly thân từ đó cho đến nay. Nhiều năm ly thân nhưng ông bà không có phương pháp hàn gắn nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Ú.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/5/2011 hiện do bà Q nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông Ú. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Ú theo quy định nhưng ông Ú vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà Q, ông Ú để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân của Công an xã N ngày 21/6/2022 xác định ông Ú vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Trương Thị D là mẹ ruột của bà Q cho biết hôn nhân của ông bà có nhiều vấn đề bà không can thiệp nhưng khi hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ông có lên tiếng hàn gắn nhưng không thành, ông bà đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Nay bà Q xin ly hôn ông Ú bà không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, bà Q vắng mặt có đơn nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Ông Ú có mặt trình bày: Ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Q. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ông phát sinh từ tháng 4/2021 khi ông vừa đi làm ở Đài Loan về, nhiều lần hàn gắn nhưng bà Q không đồng ý. Nay bà Q xin ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà Q cấp dưỡng. Ông cũng

trình bày thêm hiện ông đi làm ở xưởng gỗ tại B thường xuyên công tác xa khi tận Miền Trung khoảng 01 tháng về một lần, thu nhập ổn định đủ khả năng chăm sóc con đầy đủ.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Cháu H có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Q chung sống với ông Ú đến năm 2021 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Ú hiện đang cư trú tại xã N, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thùy Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Q và ông Ú xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 02/2/2009 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà Q vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông Ú. Tại phiên tòa hòa giải bà Q yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà Q vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông Ú. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân từ năm 2021 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên đã lên tiếng, ông bà có quay lại chung sống nhưng vẫn không hạnh phúc, tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Bà Q cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, ông Ú bỏ mặc

gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Trương Thị D là mẹ ruột của bà Q. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/5/2011, hiện do bà Q và gia đình cùng chăm sóc. Khi ly hôn bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng.

Xét thấy, từ khi ông bà ly thân đến nay cháu H được bà Q cùng gia đình nuôi dạy phát triển tốt, môi trường sống ổn định, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q được tiếp tục nuôi cháu H.

Đối với yêu cầu nuôi con của ông Ú, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông hiện có công việc với thu nhập ổn định nhưng phải đi công tác xa nhà trong thời gian dài, việc chăm sóc cháu H sẽ không được chu đáo. Quan trọng hơn, cháu H có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà Q nên yêu cầu của ông Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà Q không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Ú trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Thị Thùy Q.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thùy Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10 ngày 02/2/2009 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Trương Thị Thùy Q được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/5/2011. Công nhận sự tự nguyện của bà Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Ú trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Thùy Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006971 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà Q đã nộp đủ.

Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2022), các đương sự được quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã Nhơn Hội (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

(đã ký)

**Nguyễn Thị Thảo Ngân**

